

HOÀNG MINH TẬP

QUYỂN 2

3. MINH PHẬT LUẬN (Còn gọi là Thần Diệt Luận) (Đời Tấn, Tông Bích soạn)

Phàm đạo thật kỳ diệu, còn phong hoa thì tôn quý, nhưng người đời thì phần nhiều cho đạo Phật là hoang dã. Tự nghĩ rằng “thân mình đây còn không quan tâm đến, đâu rảnh để nghĩ đến con cháu mai sau!” Việc trong vạn dặm ngoài một trăm năm thì chẳng còn như thế! Hà huống gì núi Tu-di to lớn, cả Phật vĩ đại, tinh thần bất diệt, người có thể thành Phật, tâm tạo vạn pháp, các pháp đều không, nhưng quá khứ kéo dài đến muôn ức kiếp sau mới thọ báo? Nhưng đây đều là các sự thật kỳ diệu, siêu tuyệt đáng tin. Nghe khúc Hoàng Hoa đâu thể tấu khúc điệu Vân Môn? Người đời lại quý kinh sách của Chu Khổng; từ đời Nghiêu đến Hán, chín châu ở Trung Quốc chưa từng được truyền đến, cỡi kia có cảm gì, Minh Đế có đức gì mà chỉ có hào quang Phật chiếu soi? Những tình huống này đều để dẫn dắt dần dần hợp với tập quán xưa; chẳng thể dùng ánh sáng của nội tâm soi chiếu; nên chí lý chẳng xa, do nghi mà tự mất; thật buồn thay! Các bậc quân tử ở Trung Hoa hiểu rõ lẽ nghĩa mà mờ mịt về tâm người thì sao biết được tâm Phật? Như ngày nay đối với sự nghiệp thế gian gần gũi đây, nếu mưu tính chẳng thành, thì còn hưng binh chém giết, hà huống là những điều do tinh thần tạo tác, nếu được thì thăng cao đến vô cùng, nếu mất thì vĩnh viễn đọa đến vô cực. Vậy có thể chẳng vào chỗ sâu mà tìm cầu, bước lên nơi cạn mà suy nghĩ ư? Phàm toàn cuộc thì to lớn mà phép toán số thì thiếu cận; nhưng tâm cao rộng chưa từng có đắc, mà muốn dùng cái thấy hạn hẹp vọng ức chế bầu trời, cho đến muốn hãm thân vào vùng đất hẹp lậu, thật chẳng thể kham được ư? Nay dùng cái biết lơ mờ soi chỗ tối tăm, thì đã không thấy được cái mất, làm sao có thể chỉ soi rõ điều được. Chỉ cần biết rõ sáng tối để hướng đến hoặc xa lìa mà sống nơi thiện. Nhưng phải luôn

lấy kinh Phật làm chỉ nam mà tu tập. Vì kinh Phật đã hàm chứa đức sâu xa của Ngũ Kinh lại còn thêm sự chân thật cao xa; bao quát chỗ rộng rang của Lão Trang mà có thêm nghĩa cùng tận không nữa.

Lời cao xa, lý chân thật thâm cảm đến Thần; nó sáng như mặt trời, mát như gió, chẳng phải là bậc Thánh thì ai nói đây? Chỉ cần dẹp sở kiến của thế gian, thể hội được lý Phật thì thấy rõ ràng.

Luận rằng: Nay ở từ chân tới đầu, cho đến cõi hư không kia, tâm hướng đến mà chẳng trọn, thế thì bốn phương, trên dưới đều vô cùng. Sinh Khống chỉ đến mà còn truyền nơi nương gá, truy cứu chỗ truyền ấy thì vô thỉ. Đời đời tương sinh mà chẳng dứt thì cũng vô chung. Thân này hằng ngày sử dụng đến cái chân thật vô ngần. Chính từ vô thỉ mà đến, lại truyền đi vô chung. Thế thì rộng vô lượng, lâu vô cùng, con người chắc chắn xâm phạm nhau để tự bày tỏ mình. Vậy sống ở Trung Nguyên chẳng nghi ngờ gì về tám phương. Nhưng nay trải khắp ba ngàn nhật nguyệt, giăng cùng một vạt hai ngàn thiên hạ, hằng sa thế giới, kiếp số như điểm trần, đồng dung nạp để âm thầm biến hóa, tất cả chỉ là mảy may trong chỗ vô cùng tận. Sao chỉ an nơi mình mà nghĩ về người?

Phàm một mảy lông giữa biển khơi, cái huyền diệu của nó còn có chỗ cùng cực; còn nay đặt thường lý vào hư khôn, vì nó bé nhỏ thì đâu thể nói được? Cho nên thế gian lớn, đạo nhỏ; người thì xa mà trời thì gần. Cảnh địa trước thời Hiên Viên thì xa quá ư? Thật là xa vậy. Như dùng kiến thức cao xa để thể hội được đạo, thì bao quát các việc hôm qua vậy. Kinh Thư gọi là tri viễn, nhưng biết chẳng vượt ra ngoài đời Đường Ngu. Các lời trong Xuân Thu đều nói về nghiệp Đế Vương, như cái tôn kính của lễ nhạc, trong âm của Thi Dịch. Nay trong cõi vô cùng, đốt ba ngàn nhật nguyệt để chiếu rọi, xếp bày mười hai ngàn để xem rõ ràng. Như thế mới biết được điều trình bày của Chu Khổng; bao quát cả vùng biên địa. Nên cầu đối trị với cảm giác thô mà an định chung trong một đời. Còn những người ẩn dật ở ngoài thế sự thì không luận đến mà giữ lại. Nếu chẳng như thế, vì sao lại trọng thân hình lúc khởi đầu, mà bỏ qua thân lúc chung cuộc. Lên Mông sơn thì thấy nước Lỗ nhỏ, lên Thái sơn thì thấy Thiên hạ nhỏ, đó là có bờ mé. Vả lại Tam Phần Ngũ Điển đã mất, hàng tục nho chỉ soạn về phép trị thế mà thôi. Những ngôn từ vượt ra ngoài thế gian, hoặc ghi chép trong sử sách, hoặc tuyệt duyệt nơi hầm lửa. Nếu đạo của Lão Trang, thuật của Xích Tòng, Vương Kiêu tiên nhân, tin rằng có thể tẩy tâm dưỡng thân, mà cũng đều chẳng dùng sáu kinh; nhưng người học chỉ giữ lấy Khuyết văn cứu cái

thô, lấy Thư, Lễ làm giới hạn, đoạn mất sự nghe biết, khiến cho sự thần diệu của sự vật, sự biến hóa nhiều kiếp ở trước mắt rõ ràng mà lại vĩnh viễn bỏ qua. Chẳng phải cũng đáng buồn ư? Than ôi! Có người như đi dưới đám mây mà chẳng tin có nhật nguyệt. Nay nói một âm một dương là Đạo, âm dương chẳng lường được là Thần; bởi vì cho rằng đến đạo vô vi thì âm dương hòa hợp, nên gọi là một âm một dương. Từ Đạo giáng hạ liền nhập vào tinh thần, thường hiện hữu ngoài âm dương, chẳng phải là chỗ truy cứu của lưỡng nghi, nên nói là âm dương chẳng lường được. Thuyết của Quân Bình nói từ một sinh hai là Thần chính là nghĩa này. Như hai câu này đều để nói về vô thần, vì sao lại dùng đến tinh thần? Thần của quần sinh, chỗ rốt ráo tuy đồng, nhưng tùy duyên đời đổi thành sự biết có thô và diệu, nhưng cái gốc thì chẳng diệt. Tuy Thuấn sinh từ Cổ Tẩu, nhưng tinh thần của Thuấn ắt chẳng phải do Cổ sinh ra! Vậy tinh thần của Thương Quân cũng chẳng phải do Thuấn dưỡng dục, thế thì “Tiền Tố” của sinh và dưỡng có thô và diệu. Gốc đã lập trước khi chưa sinh thì biết chẳng diệt sau khi đã chết. Lại chẳng diệt thì chẳng đồng, ngu Thánh có khác biệt, nên biết được phần ngu Thánh sinh tử chẳng đổi chẳng diệt. Cho nên nói “Tinh thần thọ nhận hình thể đi khắp năm đường, tồn tại cùng sự thành hoại của trời đất, chẳng thể tính kể”. Phàm với cái chất ngờ nghịch mà sinh ra từ kẻ ngu si, với thân ngu si mà thọ hình nơi Hoàng đế, thì ngu Thánh cách tuyệt, làm sao mà tính cho hợp? Đâu chẳng phải linh thần của Trọng Hoa mới thô. Khi xưa, trước kết nhân từ nhiều kiếp, sau duyên hợp với vạn hóa mà có ư? May thì chỉ dứt tinh thần mà xưa đã có nhiều kiếp tiếp thọ cái thô, thế thì sự tinh luyện đã chấm dứt. Nếu như nói hình sinh thì thần sinh, hình diệt thì thần diệt, thì cũng nên cho rằng thân tàn thì bị thần hủy, thân bệnh thì thần đau. Nhưng có người thân hư hoại, hoặc sắp chết mà thần ý vẫn bình toàn, còn tự nắm tay. Lại có người bị bệnh quá nặng, mà vẫn làm chủ, không biến đổi đức hạnh. Đó là sự chứng minh cho trạng thái thần chẳng diệt!

Nếu nói thần nhất định sinh từ hình, chẳng do duyên hội, thì nay xin nói đến các vật, sau đó mới xét đến thân. Phàm bốn sông năm núi cho rằng chẳng linh, thì chưa thể đoạn. Như cho rằng có thần thì núi chỉ do tích tụ nhiều đất đá, sông chỉ do dung chứa nhiều nước mà thành. Chỉ có một linh vì sao sinh nước đất khác nhau, mà cảm gá vào núi sông để thành 1 thể? Dầu núi bằng sông cạn thì đất, nước cũng chẳng mất. Thần chẳng phải do hình tạo ra nên chẳng diệt, con người cũng thế. Thần chính là diệu, vạn vật mà có lời. Nếu nhờ hình để tạo, tùy hình mà diệt

thì lấy hình làm gốc, đâu thể lấy lời làm diệu?

Phàm tinh thần thông bốn phương, lưu chuyển vô cùng, trên thì suốt đến trời, dưới thì chiếm khắp đất. Bậc Thánh đạt cùng, người Hiền suốt tận. Đến như Tể Tứ Trang Khê, Ngô Trác, Tử Phòng, tinh thần hoạt dụng đều không thể không cung kính, thấu triệt vũ trụ; nhưng hình thể thì tầm thường, thức ăn uống đồng với hàng phàm ngu. Như thế thì đâu có nhờ vào đó để sinh, tùy theo đó mà diệt? Cần phải suy nghĩ; Chu Công tế ở Giao đàn, Hậu Lăng cúng ở Tông miếu vào thời Văn Vương, hoặc cho rằng không biết hiếu, thì liền hỏi: lấy gì mà biết nhất định không? Thì hẳn không cách gì để biết. Nếu không có cách gì để biết thì linh thần của Văn Lăng chẳng thể nói là diệt! Ăn chay ba ngày ắt thấy được chỗ công hiệu, người ăn chay chẳng vì người khác chẳng thấy mà bỏ. Chu Công hẳn chẳng thấy ư? Ngày tang Doanh Bác lại nói rằng: “Xương thịt ắt trở về đất cát, hồn phách thì chẳng phải không có”. Đó chính là chẳng diệt. Phàm đến lúc thanh trị cùng tốt thì thiên hạ sẽ loạn lạc ngút trời, đó đều là do tâm thần tạo ra. Vua Nghiêu thì không đạo lý nào rõ, không dục nào chẳng trừ, đó là Thần sáng tỏ. Kiệt thì không ác nào chẳng làm, đó là do Thần mờ mịt. Chẳng phải Kiệt không biết điều thiện của Nghiêu, mà còn biết điều ác của mình, nên ác đã trừ sạch do sự ham muốn của thân, nên nghịch với Thần. Nhưng cái Thức mà biết được Nghiêu và ác đã trừ đó, thường tồn tại trong Thần. Nếu chẳng ở vương vị thì ngàn năm chẳng chết, làm ác thì sự oán độc đến, làm thiện ít thì ít có lòng khoan dung. Vậy sao chẳng dần dần diệt ác, dần dần tu thiện? Như thế thì cái Thức biết Nghiêu hàm chứa trong Thần trước kia, ắt sẽ có một ít tác dụng, nếu gia công thêm một ngàn năm mà chẳng bỏ, có thể tâm dục sẽ lắng hết, mà Thần cũng được tinh thuần như Nghiêu vậy.

Phàm trăng sao biến thì luật lẽ động, sáng tối giao nhau thì nghiêu sò tùy phần mà mở ngậm. Nhưng én nhận, rồng rắn ẩn hay xuất đều là trước tiên từ sự minh hóa(âm thầm biến hóa), sau đó mới phát động đến vật loại. Tất cả mọi loài đồng được giáo dưỡng từ trong minh hóa; đâu chỉ một vài việc như thế, mà vạn hóa chẳng bao giờ tận ư? Do giết người mà bị chết, do làm tổn thương người mà bị hình phạt làm tội nhân nhiều kiếp. Đến nay thì người vô tội và kẻ có tội đồng như thế, đều là do duyên sâu kín đã cấu thành từ trước, mà người gây tạo hiểu phát sau này. Phàm ẩn và hiển chỉ là một, nhưng ác cấu thành thì sâu kín, mà phát động thì hiển lộ, không có gì phải kỳ lạ! Làm ác hiển lộ mà âm thầm chịu oán, cũng đâu có gì lạ? Nay với Thần chẳng diệt hàm chứa

Thức biết Nghiêu, ẩn hiển trong vạn đời; khổ vì tạo ác, vui do làm thiện. Lại thêm nhật nguyệt ở trên cao chiếu soi trợ giúp, thì duyên nào chẳng rộng suốt, sau đó nghiên cứu thân nhập một đường thẳng đến đạo; Tự e rằng kiệt trụ ở kiếp xưa đều có thể từ từ thành Thang Vũ ở mai sau, hà huống ngày nay hàng phong tình đã ít, mà con có người để tâm đến đức hạnh vậy. Do đó có thể thấy rõ người có thể thành Phật. Phàm sinh khởi đều bắt đầu từ tình. Nay nam nữ cấu tinh, vạn vật sinh hóa đều từ tinh do tình cấu thành. Tình cấu thành nơi mình thì một ngàn chúng Thần thọ thân, rất giống như tình là gốc của sinh. Đến như Ngũ Đế, Tam Hoàng, tuy vượt khỏi tình đạt đến thần, nhưng không lý nào chẳng thuận. Nếu duyên xưa tụ hội, thì nhất định cũng tuân theo mà nhập tinh biến hóa, cùng nhau thuận sinh, tạo ra hàng vạn tộc họ. Hà huống ngày nay tình nhất quán với Thần, thân chết thì tình diệt. Đâu thể chẳng thọ lại thân, chịu sinh tử vô lượng?

Thức có thể lắng trong cái gốc bất diệt, thọ học pháp ngày càng giảm, giảm rồi lại giảm, giảm đến vô vi vô dục. Dục tình nếu có Thần độc chiếu vào thì không sinh, không sinh thì không có thân; không có thân mà có thân, đó chính là Pháp thân. Nay Hoàng đế, Ngu Thuấn, Cơ Công, Khổng Tử là các bậc thế gian kính ngưỡng mà tin phục. Xem việc buông thả dây cương thặng Thiên, rồng ẩn chim bay, làm đổi gió khiến lúa nảy mầm tăng trưởng, hoặc nhịn ăn chỉ đàn ca đều do đã thấu đạt được linh thần là thể, nên công dụng của Thần ứng hợp, tự tại vô cùng. Nay hình lý tuy ở ngoài, nhưng khi tùy cảm ứng thì khởi diệt, cũng có lúc chẳng phải do sức người tạo mà dẫn đến, như Hoàng Hà hiện Đồ (Hà đồ) sông Lạc cho Thư (Lạc Thư); cỏ Minh Giáp chẳng trồng mà mọc, ngọc huyền chẳng mài dũa mà tự thành; như dâu và lúa mọc ở triều đình, bổng chốc lớn lên, bổng chốc biến mất; lửa cháy ở cung vua mà vì chim; nặng nhẹ, lớn nhỏ của cái đỉnh, đều là do sự xao động biến hóa cảm với linh diệu mà tạo thành. Đó là các việc chẳng thể nghĩ bàn. Phàm Pháp thân rất linh, cơ cảm với diệu chúng mà hóa hiệu, chiếu soi đến công năng của Thần để làm sáng tỏ vật. Như thế thì điều kỳ diệu nào mà chẳng tạo được, sự biến hóa nào mà giới hạn được? Đâu chỉ vọt lên trời cao, ngâm đi trong đất, hợp gió nhịn ăn mà thôi? Phàm những điều kỳ lạ như hiển hiện nghi dong sáng rõ, điềm lành báo hiệu Thánh quân ra đời, cho đến phân thân, từ đất vọt lên, di chuyển thế giới, sợi lông dung nạp biển lớn, đồng như Thần hóa vô cùng của Hoàng Đế, Ngu Thuấn, Cơ Công, Khổng Tử. Trước kia cái điềm lành mờ mịt ẩn hiện, nhưng đã ra khỏi hình mà nhập vào Thần,

thì cũng đồng âm thầm mà kỳ diệu giáo hóa, sao chỉ tin chỗ này mà bức ép điều kia? Đấng Minh Giác Pháp Vương trong sáng, vắng lặng; tin mà có bằng chứng, chẳng trái với Thánh quân, nhưng người mê chẳng biết thật buồn thay! Phạm Đại Pháp ứng với các điềm dứt lỗi đều do tâm mà hiện. Như các điềm cầu vòng vắt ngang qua mặt trời, sao Thái Bạch phạm vào sao Ngang, hang lạnh sinh lúa, thành đổ, sương rơi ... đều từ nhân tình phát khởi mà lấy những hình ở xa, cái sự việc trên bầu trời, những tướng trạng cố định làm hình ảnh. Nhưng không có hình thì không có ảnh, không âm thanh thì không có tiếng vang, cũng nói không có tình thì không có báo. Đâu chỉ có các điềm cầu vòng, sương rơi ... mà thôi đâu? Tất cả đều tùy tình ứng vật, vật chẳng thể giấu hình, hoặc giả là kết thành thân, hoặc là hiện nơi sự, giao kết rồi rắm ẩn hiện mờ昧, ai có thể thấy được bờ mé? Sự biến hóa khắp thế gian, hình tượng hiện đầy trước mắt đều là từ hàng vạn đời đến nay, do linh cảm mà nên. Vì thế kinh Phật nói: “Tất cả pháp đều từ ý sinh hình” lại nói: “Tâm là gốc của pháp. Tâm tạo thiên đường, Tâm tạo địa ngục”, tức là nghĩa này. Vì thế lắng tâm sạch tình thì Diệu sinh vào cảnh tốt đẹp; nếu tình nhớ hạnh xấu thì vĩnh viễn đọa vào tam đồ. Đâu thể nói rằng trong chỗ xa xăm mờ sáng có thật lý mà bỏ qua, để cho hồn tiêu, tưởng tán, khiến tâm chí kinh sợ? Tuy nhiên, những tình nhớ nghĩ ... duyên nhau mà thành Thức, Thức cảm thành hình, mà thật chẳng có tánh. Từ khi có được sự khai ngộ đến nay; chỉ một tiếng vang đã hoá nhiên diệt trừ tâm lo sợ, chưa có pháp nào cùng tột như thế, xin được giải thích rõ thêm. Phạm cái Thần của bậc Thánh huyền chiếu mà không có Thức suy lường, đó là tâm và vật đã tuyệt dứt, chỉ còn Thần mà thôi. Cho nên cái gốc của hư minh (rỗng rang) trước sau vẫn thường trụ, chẳng thể tiêu hoại. Nay Tâm và vật duyên nhau, chẳng hợp nhất nơi Thần, tuy đạt đến chỗ u vi của Nhan Tử, nhưng cũng phải siêng năng tham cứu, thích điều nhân, ưa núi rừng ngô hầu đạt được không, như tâm dụng là Thức thì dụng dụng kỳ diệu tiếp nối, thức thức kỳ diệu tương tục. Giống hơi nóng của lửa tương tức thì thành sự đốt cháy. Nay vì ngộ được không nên bật tâm, tâm đã dừng thì hình thức cũng dứt, nên Thần hoàn toàn sáng tỏ. Vậy sự cấu thành tình thức đã có mối cũ tương tục một cách kỳ diệu, thì đó ắt là nơi bất nhất, vậy đâu thể thường có? Ví như một đầu bếp nhìn ắt chẳng thấy hoàn toàn con bò. Kinh Phật nói Pháp biến dịch ly tán, tánh của Pháp thức như hư không, mộng, huyền, hình ảnh, tiếng vang, bọt, bóng nước, bóng trăng trong nước, há chẳng đúng sao? Nhan Tử biết như thế, cho nên đối với có như không, chạm thật như hư, chẳng thấy có, phạm

mà chẳng chấp trước. Nay xem nghĩa thường không của Nhan Tử thì biết đã đạt được thật không, hà huống từ đây về sau lìa mắt chân thật đã quá xa, tuy có người hướng đến Đạo lớn, mà giống như chạy nhanh về hướng Đông, nên gọi là người điên. Họ đều trái với lý, lầm với cơ cảm, trốn trời, quên hạnh càng trái với chân hữu. Hơn nữa chất, vị, thanh, sắc lại là ảnh hóa của Tinh thức hư giả. Thế sự vô thường biến diệt nhanh như ngựa qua cửa sổ, như chớp. Vị lai chưa đến, quá khứ đã qua, hiện tại chẳng dừng. Trong khoảng một chớp mắt, một hơi thở, không có mảy may để y cứ thì muốn nắm bắt cái gì để cho là có đây? Thậm chí dùng cái có hư giả để che lấp thân. Nay có gương sáng, bấy giờ nếu có những bụi dơ bám vào, như ít, mỏng thì gương còn chiếu sáng, nếu bụi bám nhiều thì gương lu mờ, nếu bám quá dày thì gương vẫn chiếu mà chẳng sáng được. Chất vốn là sáng nên có bụi dơ mà vẫn còn sáng. Tuy từ chiếu sáng đến không còn sáng, nhưng cần phải theo nghĩa gương chẳng mất mà luận biện, như vậy vật ắt tùy theo sự dơ uest làm mất mà cấu thành tội lỗi. Lý về Thần của con người cũng giống như thế. Cái có hư giả đã che lấp thân, khiến thành cái Thức tinh và thô. Thức gá vào thân, nên tuy người chết nhưng chẳng diệt, mà dần dần đạt đến không, ắt sẽ huân tập dần dần đến cùng tận mà thông đạt Bản thân; đó chính là Nê-hoàn. Vì thế, lời nói cùng tốt thì nhiều người nghe theo mà hoá nhiên đạt được không. Phàm người sống nơi núi rừng u tịch, xem mây nước là hư vô, chất chứa trong lòng mà đến, nhưng vẫn có lúc khoáng đạt, hà huống gì bậc Thánh đã đạt đến chỗ sâu xa, rỗng rang trao hư vô cho người mà chẳng lóng tâm tận dục ư? Vì thế người xưa từ nơi Hư vô mà nhập đạo, một hạt cát, một vị Phật, há chưa nhiều ư?

Hỏi: Thần vốn chí hư, vì sao đã nhuần thấm khắp vạn hữu, mà còn duyên với vạn hữu nữa? Lại Hư vốn đã đồng, vì sao còn phân làm Ngũ Thánh? Lại nữa đã nói tâm tạo vạn hữu, vậy khi chưa có vạn hữu lấy gì làm lụy tâm để cảm sinh vạn hữu?

Đáp: Thần thì diệu, hình thì thô mà tác dụng lẫn nhau. Dùng diệu duyên thì biết dùng hư duyên với hữu. Hàng phàm phu tuy ngu, nhưng sống ở hiện tại cũng có thể biết được quá khứ, đến nơi này thì nhớ nơi kia. Đó đều là do công năng của Thần. Thế thì tu luyện đến cùng tận, biết được gốc ấy đều hư. Tâm tạo vạn hữu đã luận đầy đủ ở trước. Căn cứ vào ba điều kiện là Thấy, Quán và Thật thì chắc chắn tin như thế. Nhưng thế nào là từ vô thi? Bắt đầu của vô thi lại có thi ư? Việc này cũng như Huyền rồi lại huyền vậy? Trang Chu gọi là “nhiễm cầu”. Hỏi rằng: “Trước khi có trời đất có thể biết chăng?” Trọng Ni đáp:

“Cổ giống Kim”. Nghĩa là tuy ở trước vô thí, nhưng tìm cầu chỗ khởi đầu của mé trước ấy thì mờ昧. Giống như hôm nay “nhiễm cầu” vậy! Chỗ khởi đầu của thân mình và Tổ đầu tiên của quần sinh, thì mờ昧, chẳng thể suy tưởng đến được. Há người học có thể thông hiểu được chỗ đến ư? Phàm bậc Thánh nhất định là lặng lẽ, có cảm sau đó mới ứng. Ý tưởng chẳng thể đạt đến. Tức đã ở ngoài lục hợp thì không lấy gì để cảm, nhưng Thánh vẫn tồn tại mà chẳng luận. Thánh mà chẳng luận thì dân do đâu mà ngộ? Nay cùng nhau đạp đất đội trời, nhưng Thánh tồn tại ngoài đất trời, vậy há có ghi chép hết ư? Như Vũ giúp đỡ thành lập ngũ phục, thâm đất đai, nhưng cũng chẳng hơn chín châu, là vì đạo ấy là con đường thế gian đạt đến! Như bên ngoài cõi xa xôi hoang vu là nơi mặt trời xuất hiện, chẳng phải là nơi mà con người có thể đến, thế thì bậc Thánh đã có điều chẳng nói. Hà hướng còn những nơi xa xôi mờ昧 hơn nơi này nữa, há có thể luận bàn đến biên cương được chẳng? Nay bỏ chỗ đạp đất đội trời này để cuối cùng đến chỗ chẳng thể bàn, cho nên được nhất thể. Bỏ thân dụng hôm nay mà cầu chỗ khởi đầu khi xưa, cuối cùng đến chỗ tồn tại của bậc Thánh mà chẳng nói ấy, cũng là một lý xuyên suốt, há có thể bàn được ư? Đó đều là do duyên sâu kín tùy vũ trụ vô cùng, mà vật tình cơ cảm thì có giới hạn. Các tâm nhờ có Thánh mà biết, giống như con mắt gặp khi có mặt trời thì có thấy. Như cách xa một vật nhỏ chưa biết khoảng một trăm tầm, nhưng nhờ mắt sáng nương ánh sáng mặt trời mà thấy được. Nay đặt một vật nhỏ bé ngoài một ngàn bước, mục lực hết tầm, không nhờ vào đâu để thấy, nhưng rõ biết chỗ sâu xa, cao rộng không thiếu vật gì. Đâu lại vì mê mờ việc một ngàn bước, mà nghi ngờ vật nhỏ trong một trăm tầm? Nay chẳng thông đạt gốc duyên, cơ cảm của tình thức không đạt đến, chẳng biết lấy gì để hội được Thánh, nhưng biết được bến bờ đạt đến chí đạo không thiếu sót gì. Vì sao do mê mờ chỗ khởi đầu của duyên, mà lại nghi sự biến hóa đã rõ ràng?

Hỏi: Có người nói rằng: Chẳng biết chỗ khởi đầu của duyên, nên chẳng tin Phật. Đó chẳng phải là cơ cảm ư? Vì sao Thánh nhân chẳng nói điều ấy?

Đáp: Nói cơ cảm, nghĩa là mới ôm giữ phần thăng tiến mà lý thì chưa đạt đến, cần phải nhờ Thánh để thông đạt, bấy giờ lý này mới thật cơ cảm. Vì thế ưa thân kẹt nơi Hữu thì dùng nghĩa khổ không để trừ, nhân ái chẳng rộng thì dùng tâm từ vào thân để chỉ dạy. Thế chẳng đồng đến, nên phân lập ba Thừa; nghiệp tu khác nhau nên thành sáu Độ. Bến bờ tùy ứng không một pháp nào chẳng đủ, có thể cho rằng

trước cảm rồi sau mới ứng. Vì thế nghe đạo nơi Linh Thứu, trời người đều vui sướng, mà đạt đạo rất nhiều. Đâu có viển vông nghi ngờ khởi đầu của duyên, rồi sau mới đạt đến? Lý rõ ràng, dạy đầy đủ, như lời nói mà tu hành, thì chỗ nào mà chẳng đủ. Nhưng nếu còn chẳng tin, rốt cuộc ôm giữ lỗi lầm, nghi ngờ nơi mà Tưởng chẳng thể đến, thì sẽ tổn hại. Có bệnh, đưa thuốc chẳng chịu uống; trúng tên chịu đau chẳng nhổ, lại muốn biết khởi nguyên của thuốc và mũi tên, mà dẫn đến mạng vong, đâu khác gì việc này? Đó đều do từ xưa đã nghi ngờ đạo nên chưa hội được không lời, dẫn đến ngày nay đáng tin mà vọng nghi, thì đâu thể cho là thật lý để cơ cảm; mà cảm từ phi lý vọng nghi. Vậy chắc chắn không thể nào cảm được Thánh mà sáng tỏ.

Phàm Phi ngã mà cầu chỗ mờ mịt, mờ mịt mà cầu ngã; nhất định nên rộng rang nơi tụ kỷ và thân nên tùy thuận sự biến hoá sâu kín, chí Thành dùng tin mà đến, sau đó mới ngộ, thì tùy ứng mà đi. Do tâm ngộ phát khởi mà cuối cùng có thể được sâu kín cùng tột. Nếu cứ giữ chặt lấy vọng nghi chẳng quay về chỗ tinh thần, thành kính, ắt sẽ đắm chìm mãi trong lưới mê, đâu thể có ngày mai? Thuận nghịch vừa sai thì lên xuống cách biệt, có thể chẳng cẩn thận sao?

Hỏi: Khổng Tử dạy không cần sống để hại đức nhân, sát thân để thành nhân đó là chí nhân, cũng là hạnh Bồ-tát mà kinh Phật đã nói. Lão Tử nói cùng tột của vô vi, tức Niết-bàn rốt ráo, mà chưa từng nói Thần ấy chung cho thành Phật. Há Khổng Lão có chỗ chẳng rốt ráo, muốn cùng với Minh đạo vì hiển vật mà ngăn che cái thật của chí đạo ư? Mọi nghi về Không Thật đâu thể không phát sinh!

Đáp: Việc giáo hóa, mỗi mỗi chỉ vì tùy ứng theo đời mà trừ loạn, Khổng Tử hoằng truyền là hợp với đạo trị thế. Hai thiên Thuần Phong và Di Diên soạn ra là để ngăn dứt cái động. Ví như Nhan Nhiễm, Tế Tư, Y Hĩ, Trang Chu, bên ngoài thì tán dương dấu vết Nho Huyền, để dẫn dắt thể tình đến chỗ cùng tột; bên trong thì vâng thừa cái học vô vi để chuyên cầu Thần lý, thế gian ai biết được? Đến như Nhiễm Lý, Tử Du, Tử Hạ, Tử Tư, Mạnh Kha, Lâm Tôn, Khương Thành, Cái Công, Ng-hiêm Bình, Ban Từ, Dương Vương hoặc có người suốt đời theo lễ giáo, hoặc tự chung mệnh ẩn dật nhưng không thích Phật pháp, họ đều thiếu duyên với chỗ cùng tột, không thể vượt qua được. Cho nên Khổng Lão mới dùng lời để chỉ dẫn. Từ đây, cơ cảm của họ mới hướng về chỗ đến, nên chẳng thể vượt qua lễ nghĩa. Nho thì hoằng truyền đức nhân, Đạo thì chế phục cái Động đều để dẫn dắt giáo dưỡng, như đã được bến bờ, thì không thuật nào chẳng cùng tột. Tuy từ Lương, vô vi cũng đồng một

dòng như Phật đã nói, nhưng Pháp thân, Nê-hoàn thì không thể nói hết được, cho nên chẳng nói. Vả lại tuy vô vi mà vô sở bất vi (không làm, mà không gì chẳng làm), cùng với Pháp thân vô hình thâm nhập vào tất cả, há chẳng đồng chỉ thứ ư? Do đó Khổng Lão, Như Lai tuy dạy khác đường, nhưng tu thiện thì đồng một vết.

Hỏi: Từ thời Tam Hoàng Ngũ Đế đến nay, cả Khổng Lão dạy tẩy tâm, Phật khai pháp yếu chỉ thấy có người mà dấu tích luận đáp chưa từng nghe qua, là vì sao?

Đáp: Ý nghĩa này tôi đã luận rõ ở đoạn trước, hàng tục nho ngày nay chỉ chuyên biên chép về việc trị thế, còn lời nói xuất thế thì hoặc là tản mác trong các sử sách, hoặc là bị thiêu đốt. Nay tôi lại trình bày điều nghi này. Phàm sách của Tam Hoàng gọi là Tam phần, nói về Đạo lớn. Bảy giờ hiểu từ gồm đủ thì đâu cần chỉ dạy nhân nghĩa, lại chẳng mất sự thuần phác. Như Lão Trang lại hiểu bày như thế nào? Nếu chẳng luận về Thần vốn vô sinh, rộng không các tánh để chiếu soi chỗ cùng tột, thì lấy gì làm Đạo lớn? Văn này đã mất, người đời ai biết được đây? Tư Mã Thiên nói về Ngũ Đế đều cho rằng: Sống thì Thần linh, hoặc yếu mà có thể nói, hoặc tự nói tên, dùng sự sâu xa, thông đạt, trí huệ như thần, để so sánh. Phàm Bồ-tát Đại thừa hóa hiện mà sinh, sống trên gò Hiên Viên, lên Không Động, đến Thái Sơn, dạo nơi U Lăng, Bàn Mộc, buông chân vượt sóng. Làm sao biết được họ chẳng theo đạo Bồ tát? Đời Ngũ Đế rất dài, Nghiêu tại vị một trăm năm, Thuấn trị bảy mươi năm; trong đó Quảng Thành, Đại Ngõ, Hồng Nhai, Sào Phủ, Hứa Do, Khoa Phụ, Bắc Nhân và bốn vị ở Cô Tạ đạo phong cao rộng lúc bấy giờ; nhưng trong ngũ đế và các loại khác chỉ có hai Thiên về Đường Ngu, mà rất ít ghi về Tử Trường. Lại cho rằng Bách gia nói về Hoàng đế, vẫn thì không phong nhã thuần chánh, về các Đại sĩ phu quan lại thì gạn hỏi, chỉ ghi nhiều về các việc đánh giết, còn các việc về trị chánh thì vạn điều chẳng ghi được một. Vậy há sự hưng thịnh của chí đạo chẳng thấy nơi các thiên thiếu sót, mà liền cho là đều hư vọng ư? Nay vị vua Thần minh dạo chơi nơi cõi rộng lớn, đất bảy thánh tại Cự Thử, gặp thần nhân nơi Cô Tạ, một đời giáo hóa đâu đủ để nói nhiều? Như chẳng nói đến chỗ tinh của đạo, thì đâu biết được chẳng thông đạt linh Thần ngoài ức kiếp. Quảng Thành nói: Chỗ Tinh của chí đạo thì mờ mờ mịt mịt, đó là Tam-muội Thủ-lãng-nghiêm; người đạt được đạo ta, trên thì làm Hoàng Đế, dưới thì làm Vương. Cũng là tùy sự biến hóa mà lên xuống, hoặc làm Phi hành Hoàng đế hay làm Chuyển luân thánh vương. Người mất đạo ta, trên thì thấy ánh sáng, dưới làm đất, cũng sinh tử trong cõi

trời người. Như cảm được di phong của Đại Ngổì thì gọi Thiên Sư, mà lui, cũng có mười danh xưng. Tự sợ rằng những bậc vô sinh biến hóa, đạo thì thông đạt sâu xa lúc bấy giờ, còn sự nghiệp thì lưu truyền siêu thế, nhưng về sự không làm hưng khởi được cái xưa, mà lý thì theo văn mà mai một. Cho nên những điều mà Bách gia nhật lấy thì như sáng như tối. Còn hàng đại sĩ phu thì cho là chẳng phong nhã thuần chánh. Nay khiến cho hàng tùy thuận thế tục mà chẳng hiểu sâu về Đạo, y cứ theo sử sách, ngăn che chí lý, theo tình tướng ở gần mà quên mất sự biến hóa cao xa, làm khốn khó tinh thần vĩnh kiếp. Há chẳng đau xót lắm ư? Bá Ích nói về núi sông, cho rằng nước Thiên Độc, người gần gũi nhau và thương yêu nhau. Quách Phác truyện ghi: Xưa nói Thiên Độc tức là Thiên Trúc, là nơi hưng khởi của Phật. Nói ôi tức là ái, cũng là lời giáo huấn Đại từ của Như Lai. Chắc chắn cũng đã nghe nói vào đời Tam Hoàng, Ngũ Đế, sách vở của quốc gia chẳng truyền, thì chẳng cần phải nghi ngờ gì? Phàm trong khoảng thời gian sau Tam Đại đến Khổng Lão, những sách vở ngoài sử không thể tính được. Như Khổng Tử hỏi về Lễ, Lão Tử trả lời, sau Doãn lại hỏi thì lại nói về Đạo. Dẫu hai Thiên không có lời này, chỉ còn trong Lễ Ký, thì người học đời sau đâu thể không cho rằng hàng sĩ phu chỉ biết Lễ Lão, Nho; há chẳng thể hội được đạo ư? Nay sử sách của các đời sau khi đã tản mác trong lúc biến động, về nghĩa lý đã không còn đầy đủ, nhưng đâu thể chỉ dùng chỗ thấy mà đoán định để tuyệt dứt dấu tích của Khổng Lão ư? Như Đông Phương Sóc có thuyết Kiếp thiêu thời Hán Võ Đế, Lưu Hưởng nên bảy mươi bốn vị tiên trong kinh Phật, người học hạn hẹp nhìn vào đó rồi cho rằng Minh Đế chẳng phải khởi đầu. Nhưng người lia thế theo thần thì nhiều mà rõ, người đạt đến chỗ u vi thì ít mà ẩn. Cho nên âm thầm cơ cảm, thật chẳng hiển rõ nơi vật. Đạo nhân Trừng Công Nhân Thánh vào đời Thạch Lạc Hổ, nói với Hổ rằng: Trong thành Lâm Trung có di tích chùa A Dục xưa, còn hình tượng và Thừa Lệ bàn ở sâu hai mươi trượng dưới gốc cây lớn trong rừng. Lạc Hổ sai người y theo họa đồ đào đất tìm thì được những vật đúng như lời nói. Lại Thúc Phụ của Dao Lược là Tấn Vương, nghe một người già ở Bồ Phấn, Hà Đông cho rằng vùng đất của chùa A Dục Vương xưa, thường thấy có ánh sáng phát ra. Nên đến đào tìm, thì được di cốt của Phật cất giữ trong hộp bằng bạc đặt trong một hòm bằng đá, phóng ánh sáng rực rỡ lạ thường, Lược nghinh thỉnh về Kinh đô. Ở nơi Tỳ-kheo Bá Thượng nay thấy có một ngôi chùa mới xây dựng. Do đó mà biết đã có Phật sự ở đất Tề, Tấn từ lâu. Vì thế những điều chẳng nói ở Tam Truyện, thì cũng còn ghi ở Sử của Bảo Tôn Tha-

nh. Tuy không có lời tôn xưng Phật mà việc giáo hóa đã thành hành vào đời Tấn ở vùng Giang Tả.

Hỏi rằng: Nếu cho rằng Phật hiện tồn tại, thấu suốt tất cả, có sức oai thần tự tại với các pháp, vì sao chẳng làm rứt rờ tên nhau đến hôm nay, khiến cho kẻ ngu người trí đồng tin ngộ, thần lực chiếu sáng đến người cùng bách để cứu mạng sống oan uổng của họ; mà lại khiến cho hàng quân tử không thấy Phật, đồng chẳng tin, đọa vào nỗi khổ viển đê? Lại như quân Tần Triệu, trong một ngày bị Bạch Khởi, Hạng Tịch chôn sống sáu mươi vạn người. Xưa nay những người được chọn làm quan và kẻ bị chôn sống chưa hẳn là có duyên lành lớn từ đời trước, mà đều chất chứa đại ác; nhưng không thấy Phật tỏ lòng buồn thương đau xót, khi tất cả đều bị chôn sống trong một ngày, mà vẫn thờ ơ ngồi nhìn sự tàn khốc, không ứng cứu; vậy vì sao gọi là Từ? Duyên chẳng thể che trời, đức chẳng siêu thoát thế tục, vậy không thể cứu giúp; đâu thể gọi là thần lực tự tại bất tư nghi? Lỗ Dương xoay mặt trời, Đam Cung khiến suối bay, Tống Cửu Giang, Hồ Vi Giang, là nơi châu chấu ẩn trốn. Đó đều là do sức của tâm thấu triệt, khiến cho hàng phi đạo thâm thông đạt, hà hướng gì thần lực của Phật, làm tiêu dung cái khí của Bạch Khởi, đốt chảy cái tâm của Hạng Tịch để cứu sống hàng vạn sinh mạng dễ dàng. Như khi xưa nhét núi Tu-di vào hạt cải, thể hiện lòng nhân, thí thân cho hổ, cắt thịt cứu chim bồ câu. Nhưng nay tưởng mà Ngài chẳng đến, báo mà chẳng nghe, cầu xin mà chẳng cứu, trống vắng lặng lẽ như hư không chẳng khác. Trong đó cũng có Sa-môn thiêu thân, cũng có kẻ tuyệt đạo làm người cắt đứt sáu tình, có người dốc sức đem hết tài sản cúng dường chùa, tượng. Chỉ thấy đoạt mất tuổi thọ của họ mà chẳng thấy họ được gì! Than ôi, đáng tiếc thay! Nếu cho rằng tương lai mới có cảm ứng, thì sáu mươi vạn mạng kia thiện ác khác nhau, mà chết oan uổng lại đồng thời. Nay thiện ác tuy khác, mà thân sau đâu được hiện thế sai khác? Khác phẩm loại đã là một, thì chẳng mong được phân biệt. Vậy tương lai mệnh mông mờ昧, lại muốn mong cầu điều gì? Hà hướng sợ thật chẳng có tương lai. Kinh ghi: “Ngón chân ấn trên mặt đất thì ba ngàn cõi Phật đều hiện, tất cả những người điếc, đui, câm ngọng, tù ngục, đau khổ đều được an ổn”. Phật đối với những người ở gần hay xa, còn hay mất, có giới hay không có giới đều có tâm từ bình đẳng. Như có tâm này thì lẽ ra hiện sự thống khổ, hiện sự an lạc đồng với chúng sinh. Nhưng kinh thì có rất nhiều lời này, còn sự thật lại không có mảy may ứng hợp. Đâu biết rằng chẳng phải nước kia có bậc siêu xuất thế gian, tạo ra pháp không này để hỗ trợ cho sự bạo ngược. Như khéo luận đàm

thì có tình và sự sâu xa, có mỹ và thuần nghiêm chánh. Người dễ tin một khi đã mất thân, thì cứ mãi mãi nhận lãnh sự bất trắc, mà thế lực ấy không thể đoan dứt ư?

Đáp rằng: Chẳng thấy đường, nên cho bằng phẳng là hiểm trở; như nhìn rõ con đường thì chẳng thấy hiểm nạn. Phàm thường vô là đạo, chỉ có Phật lấy Thần làm đạo. Cho nên đức và đạo là một, thần với đạo là hai. Vì có hai nên phải chiếu để giáo hóa; vì một nên có thường nhân mà chẳng tạo. Phàm vạn loài mỗi mỗi đều tùy nhân duyên, tự tạo tác từ trong Đại đạo. Nay sở dĩ Phật nói: Các pháp tự tại chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là nói chẳng do duyên số, vượt qua túc mạng mà cưỡng cứu giúp vậy. Vì chúng sinh do vô lượng công năng của Thần dẫn dắt, tất cả đều nương vào bến bờ mà thông đạt cùng tận. Sự chiếu soi của Thần chẳng thể nghĩ bàn. Thí như Hồng Thủy thì dù cho tứ hung có ngu si, cao ngạo cũng đều giáo hóa, Nghiêu Thuấn chẳng thể cải biến, mỗi mỗi đều nương theo bờ vực của nó mà tuôn nước ngập Tứ Hung; nếu có thể hài hòa được, đức ấy há chẳng phải là lớn lắm sao?

Phàm Phật tức là chẳng phải người khác, đó là đạo Thánh nhân, chẳng bỏ việc tục cứu giúp chúng sinh, diễn hóa đối với thế gian quen mình. Đến nơi người mà chẳng dung công, tự vật thành, chính là sự ứng hiện khác lạ của Nghiêu. Phàm âm luật của chuông là do tâm thâm nhận biết, hà huống bậc Linh thánh dùng Lý Thần để so sánh ư? Các bậc cùng nhau âm thầm thành tựu nơi Phật quốc, đều là do chí mạnh mẽ, thần trong lặng tích tập nhiều kiếp mà càng sáng tỏ. Nên đều cảm đến chỗ rộng rang thông thấu, như Thích-ca phát ánh sáng mười phương đều ảnh hiện chiếu soi, Đa Bảo Phật từ đất vọt lên, Đấng Vương nhập thất ... Há Phật chỉ có hiển ư? Vì ta thấy được vậy! Đến như hôm nay quân tử chẳng sinh vận ứng cúng, nhưng trong cõi nước vua Vũ tích tập đều trái với xưa, cho nên sẽ nghịch với nay. Tuy trong như Di Tề, trình như Liễu, Lý, nhưng chí khác thì làm sao cảm được mà thấy Phật? Hà huống hôm nay cho rằng từ đây về sau tuy dùng lễ nghĩa để tu thân, vang danh nơi thế tục, tình sâu đậm với người, mà chí chẳng theo đạo, dù là quân tử của loài người, nhưng thật ra là tiểu nhân của cả trời; tôn dung cực linh làm sao mà cảm được? Nếu như tùy duyên mà sinh đến, sáu Độ thật phát khởi từ túc nghiệp, cảm thấy được trong sáng, thì cũng sẽ có người ấy; nhưng đạo tục so sánh nhau lại do đâu mà biết nhau? Thế thì thô hay diệu là do nơi ngã, nên thấy và không thấy khác nhau. Đâu thể vì ta chẳng có dung nghi rục rờ, mà nghi Phật chẳng tồn tại? Vậy trời đất có linh, tinh thần chẳng diệt đã rõ ràng vậy.

Nay quân của Tần Triệu, Thần và vũ trụ đều đến, tuy có thành bại, trời đất nhưng chẳng diệt mất. Khởi và Tịch đâu thể diệt được sáu mươi vạn thân? Vì Thần chẳng thể nào diệt. Vậy cái diệt mất là thân. Há chẳng nghe Phật nói ư? Thường diệt thân của quần sinh. Cho nên thân bị diệt, mà mạng số lại gặp nơi Khởi và Tịch. Vì sao biết? Phàm đạo trời biến hóa, mỗi mỗi đều có chánh tánh mạng. Đến như gà, heo, chó, dê, mạng của chúng cũng đều là một trong sáu chữ của càn khôn. Người ăn mạng để nuôi thân, bạo ác đồng như nhện giăng tơ vậy. Cọp sói chim ưng nếu chẳng cắn xé thì chẳng sống. Con người như ăn cơm rau mà tồn tại thì rất ngược vậy. Đạo trời chí công, cái quý hiếm nhất là mạng, vậy đâu cho phép làm ngược lại mạng mà ức chế sự âm thầm ứng hợp? Nay sáu mươi vạn người tuy có tốt xấu khác loại, nhưng đều nhân tâm ăn thịt quần sinh, e rằng chẳng khác. Vì tốt xấu khác nhau nên chỗ hưởng thọ trong đời ắt khác; vì đồng hại chúng sinh, nên bị chết đồng một ngày. Nay đạo gia nói nơi mà người thế gian sinh đến thì chẳng thể nói được. Đến như Vu Công, Bỉnh Cát, Ngu Di đức ứng đến ngày sau; Nghiêm Diên Niên, Điền Phần, Tấn Tuyên quả báo giết người hiện đời ứng nghiệm. Tất cả đều có ghi trong đời Ngụy Hán, có thể tin nhận. Phàm cứu sống người mà phước lạc còn lưu truyền đến con cháu, hưởng gì tinh thần làm chủ việc giết cứu, thì sẽ không có họa phước ở thân sau ư? Giết hoại cứu thân người ắt sẽ có báo nơi thân mình, hà hưởng khai thông hay ngăn chặn thân hóa người mà chẳng cảm lấy hưng phấn hay ... tiêu tụy thân của mình sao? Phàm những kẻ mà Diên Niên giết gồm phạm phu tiểu nhân và các người giàu có như Đậu Anh, Vương Lăng, Tễ Mục. Hiền và ngu tuy khác, giàu và nghèo sai biệt nhưng quả báo chỉ là một. Báo đã đến thì không kể giàu nghèo, tướng văn, tướng võ, Tấn Vương đều chẳng khác. Đó há chẳng phải là trời chí công ư? Có tài và bất tài đều là người, về đạo lý bảo tồn tánh mạng không ở tại sang hén! Thế thì chim cá tuy hèn mà tính mạng của chúng cũng trong càn khôn. Xem chim mẹ quấn quanh, chim con riu rít, trâu nghe ngóng nơi Cát Lự, dê cơ cảm ở Tây Ba, mỗi mỗi đều chí tình yêu thương đồng loại. Nhưng nay có đàn bà mang thai, trẻ con ở nơi đây mà có xẻ mổ chém, thiêu đốt họ, thì thật là tai ương thống khổ, cơ cảm đến trời. Lại mùa xuân săn bắn những con thú mang thai, đốt nấu chim non, thì theo đạo trời, há chẳng có báo ư? Nhưng nay tướng và lý duyên nhau, vào đời uống máu này thì nghề săn bắn và đánh cá chẳng thể khiến nhanh chóng dứt bỏ, nên nhà bếp của Thánh Vương là nơi giáo hóa; bởi vì thuận theo tâm sát của dân để dứt trừ tai họa giết hại. Như

đến nhà bếp nghe tiếng kêu của con vật thì bắt nhẫn; nhân sài lang và rái cá săn mồi mà lập tiết xuân thu tế tự trước khi săn bắn, nên chóng dẹp lưới, bỏ mành, chẳng đúng thời làm thương tổn đến các con thú có thai. Đó là nói lên sinh mạng của loài vật là quý trọng. Mạnh Kha thường tán thưởng đối với chuông có thoa máu của muôn sinh, nhưng khi nghe vua có đức thì liền bỏ sát sinh; như Tiêu Vương vuốt ve con nai để cứu mạng nó. Cho nên người có lòng nhân sâu dày thì chẳng khổ nỗi với điều cấm này. Đức Như Lai thông đạt thần, thấu suốt đến cùng tận, nên Ngài đều xem trọng sinh mạng của năm đường. Cấm sát là đầu tiên của các giới. Vua Bình-sa hiện đời thọ báo làm thổ trắng; Thích-ca ở quá khứ bị chết bởi cá vàng; đó là chỉ rõ thế lực của nghiệp báo mờ mờ mịt mịt, sâu xa mà chẳng lầm lẫn. Nếu đời trước nghe được đạo, kính tin tu tập giới pháp thì nhất định chẳng đọa vào Trường Bình để bị chôn sống. Nếu đã đọa đến đây, nhưng có tin pháp mà thấu triệt được thì cũng sẽ vượt qua được nạn ấy. Nếu duyên giết chúng sinh đến trước thì có quả báo trước; giới đức đến sau, ắt chẳng bị nạn chôn thân đến với mình. Dùng công năng của thần chiếu soi kẻ cùng bức, để cứu vớt các sinh mạng oan uổng, đạo lý như thế, đó là lòng từ cùng tột vậy. Tuy có tâm thiện thế gian, nếu không có tâm đạo, mà phạm tội giết mạng chúng sinh, thì lý đương nhiên sẽ bị quả báo bức bách. Lý của Phật thừa, chân thật là dùng pháp cứu vật, nếu không thực hành theo pháp thì không thể cưỡng cứu giúp. Thí như Biển Thước dùng thuốc cứu bệnh, nếu chẳng tin, chẳng uống thuốc thì bệnh chẳng lành. Đâu thể cho Biển Thước chẳng giỏi? Lỗ Dương, Đam Cung, Viễn Tổ Cứu Giang sở dĩ có thể xoay mặt trời, khiến suối bay, trùng cạp tránh đức, đều là do lòng chí thành cảm động. Thần cảm tức Phật cảm. Nếu vào thời Tần Triệu ắt chẳng hãm vào mạng ấy. Vậy người bị hãm ấy ắt chẳng chí thành, đâu thể cho rằng đặt tâm cơ cảm nơi Phật mà tiêu dung tâm khí của Khởi, Tịch. Dùng chúng thông thần để hợp ngôi nhà giáo hóa. Cho nên núi Tu-di hiện trong hạt cải. Tuy nay làm thân cạp, chim câu, nhưng xưa hẳn là người, từng có duyên gặp gỡ. Cho nên gặp vận tốt của Phật, gieo thân cứu đói, cắt thịt đùi thay mạng. Nếu không có cảm để động thân, dùng mạng bồi thường nghiệp sát, thì đâu được vọng làm tiêu dung tâm khí. Hàng vạn cái chết ấy đều do chính mình tạo ra mà nghi Phật ư? Phàm chí thành, thì tướng sẽ hiện, báo sẽ nghe. Suy từ việc Chu Khổng cảm mộng tương giao, nói hình tìm thật, cho đến cổ kim lâu xa, núi non cách biệt mà âm thầm đối đáp vô ngại, thì có thể tin rằng chí thành tướng niệm ắt cảm được Phật Vô Lượng Thọ cùng cảnh giới siêu việt

trăm ức, chẳng cần dụng công. Như thế sao lại nói là đồng với hư không? Phàm Đạo là do luyện thân chứ chẳng phải do bảo tồn hình thể, vì thế Sa-môn cạo tóc đốt thân luyện thân, bật đứt chỗ đến, nhưng Thần chẳng thể diệt mà còn hướng đến nơi cần đến, há có gá nương ư? Lìa xa đạo lý làm người, 6 tình thì khó lượng biết, sao lại cầu được nơi thân mà làm hại đến thân? Tự cắt đứt thì ngày càng suy giảm tình, chân thật dần dần đến với đạo; cần khổ ra sức quán xét, dốc hết tài sản sinh sống, chưa bao lâu thì có được. Bỗng chốc thân diệt, danh thật đều tiêu, thì cũng chẳng ra ngoài Đạo Khoa (tức Phi đạo). Lập đạo quán, thờ thần tượng, lặn lẽ sâu vắng. Hình do đó mà diệt, thần theo đó mà xa. Diệt thì ứng mới trong, xa thì phước mới kỳ. Đạo Khoa và Đạo cái gì hơn? Chóng đoạt tuổi thọ mới được siêu thăng; chuyên tu hành thì trợ giúp thân mình, tạo phước đức thì sẽ hiện ở thân sau, há có thấy chỗ đạt được ư? Nếu việc của người động ắt xuyên suốt đến Thần đạo; vật chẳng hư vong, nhưng cần phải có mới như thế. Ví như quả báo sâu kín chẳng đúng như lời luận bàn ở trên, thì sáu mươi vạn mạng sống vì lý do gì mà bị chôn? Đã vì quả báo mà chôn sống, ắt vì quả báo mà chẳng chôn sống. Người thời Chiến quốc, thông minh thì như An Kỳ, ngu tối thì như Tứ Hạo, Long Nhan làm Đế, Liệt Địa làm vua, danh thơm đức tốt chẳng thể tính kể. Tất cả đồng ở trong cái đích của người mà thôi! Vì sao như thế? Há chẳng phải mỗi mỗi do nghiệp báo đời trước cảm ứng ư? Đã thấy phước thành tựu từ hành vi đời trước, thì hành vi hôm nay không thể phụ thân sau, đã rõ rồi vậy! Hiện đời khác phẩm loại đã là do túc mệnh phân biệt, thì chỗ nhận lãnh của thân sau đâu thể lẫn lộn. Kinh cho rằng khi Phật hóa hiện, đều do lúc trước đã có hội ngộ tốt đẹp, nên hôm nay mới gặp như thế. Nhưng hôm nay không có ứng đều là do không có duyên, mà trái lại vu báng là chí pháp hư cấu. Than ôi! Thần chiếu soi rộng suốt, ngăn chặn tai ương của Thánh nhân, thật cũng đáng sợ. Dám hỏi rằng: Hư cấu là để cho Thánh nhân, hay cho Hiền nhân hay Tiểu nhân? Thánh nhân không có tâm thường hằng, tùy theo tánh của vật mà giáo hóa, khiến chúng thuận theo. Nếu thân chết thân diệt, thì chỉ cần dùng nho giáo để chỉ dạy đến hết đời, đâu còn việc gì để luận? Mà lại dùng bất diệt để dối gạt, dùng thuyết thành Phật để khinh nhờn? Ví như cạo tóc đốt thân đứt tình chồng vợ, con cháu bị đoạn tuyệt không thể tính kể. Vả lại bậc Minh triết thông đạt nuôi dưỡng chỗ vô thường, hoặc cũng có lúc âm thầm ngăn bít. Hư cấu đâu có lợi ích gì mà còn gây khổ lớn nữa! Như thế thì biết chẳng phải do Thánh hiền tạo lập vậy! Nếu là người ư? Như Phiền Tu, thì cũng quy thân theo Chu Khổng, sợ

hải dị thuyết, đâu dám vọng tạo ra? Nếu từ đây trở xuống đều là hàng tầm thường thì đâu có thể lập tông gia ngoài chín phái, tăng tiến ngoài Lão Trang để chiếu sáng mãi ngàn năm sau? Như ngài Long Thọ, Đề-bà, Mã Minh, Ca-chiên-diên, Pháp Thắng, Sơn Hiền, Đạt-ma-đa-la trong năm trăm năm trước thuật, giảng dạy tạo Đại Trí Độ, Trung Luận, Bách Luận, A-tỳ-đàm, đều là bậc anh tài thông thần đạt lý. Gần đây có Tôn Xước soạn Tụng, tám bậc hiền là Kỳ Vực, Kiện-đà-lặc..., Chi Đạo làm phỏng theo đó mà soạn Tán. Trúc Pháp Hộ, Vu pháp Lan, Đạo Thúc Khuyết Công Tác đều là các bậc chói sáng ở Trung Hoa; như ngài Trúc Pháp Hành ở Trung Quốc, người bấy giờ sánh ngài là Nhạc Lệnh. Ở vùng Giang Tả có Thi-lợi-mật, mọi người tôn kính sự siêu tuyệt của ngài. Quách Văn Cử rộng rang mà thâm thúy chỉ tin phụng Phật pháp.

Từ ngài Long Thọ trở xuống, đâu đều mất thân mà lúc trước nói hàng tầm thường là đối gạt ư? Thế thì việc của Hoàng Diệu Phu Tử, đâu chẳng rõ? Nay ảnh tượng, xương cốt, răng, tóc, pháp khí, uy vũ còn để lại vẫn rực sáng ở bản quốc. Điều này cũng đã chứng minh cho Đạo vậy. Phạm tánh của cõi kia phần nhiều có tài tinh xét, rõ ràng, nhưng tham ái rất sâu, họ đều đứng trước Phật dâng hoa địch thân truyền trao, thế gian tôn kính sự chân thật ấy. Hình tượng, dấu tích, các việc còn để lại trợ giúp việc giáo hóa được sáng tỏ. Cho nên các vua đời sau dạy cả nước tuân thủ giới cấm, bốn chúng cần khổ, đến chết vẫn không xem thường. Nếu lý hư vọng, sự chẳng thật kỳ diệu, thì họ đâu chịu dốc lòng phá dục để tôn kính chỗ vô hình? Nếu hình tượng, sự vật không thật, âm thanh phát ra có đến di thì người đến xưa nay vì sao phải khổ thân lia dục. Nếu là chỗ cùng tốt, người đến lại quay trở về, lẽ ra nên thấy giải đãi, nhưng họ đều là những người dốc lòng siêng năng? Vì thế thì có thể xét rõ.

Luận rằng: Từ xưa sở dĩ thường hiển thị về đạo lý trị quốc gia là vì muốn giữ gìn chỗ sinh, mà khổ là do sinh đem đến, người mê muội chẳng biết. Cho nên chư Phật dùng khổ để ngộ, dùng vô sinh để dẫn dắt. Vô sinh chẳng thể trực tiếp thể ngộ, mà phải dẫn dắt thì thiện ác đồng, thiện báo mà càng cao xa thì rộng lớn vô tận, có thể nương gá. Vì thế Đạo ấy rộng lớn như biển xanh, nhỏ không đâu chẳng là bến bờ, lớn thì không đâu chẳng thông thấu. Tuy xa mà cùng với đạo trị quốc giữ gìn cái sinh, trái lại thì cũng giữ gìn ngữ điển của Đào Tiềm, trợ giúp cho lễ giáo. Đời nay sở dĩ đối tạo họa phước nơi đạo trời, giống như Tư Mã Thiên cảm khái vì Bá Di. Khổng Tử há có nói đối ư? Ngài nói tích thiện thì được phước, làm ác thì bị họa, mà Nhan Nhiễm yếu mạng mà

con cháu chẳng nổi danh, cha của Thương Thần chết mà Trang Chu thành hiền bá. Phàm những việc như thế theo lý thật khó thông nhưng lý há có chỗ chẳng thông sao? Thế thì thuyết tạo phước mà thân sau thọ khổ nơi Tam đồ chẳng thể chẳng tin. Tuy hình có mất còn, mà tinh thần nhất định ứng đến hiện đời mà thọ báo, thì đâu có gì khác biệt? Chỉ vì nhân duyên có trước sau, nên đến có mau chậm. Giống như họa phước trong một đời đến sớm hay muộn vậy! Thế thì lời dạy của Khổng Tử, nhờ giáo của Thích Thị mà thông, có thể chẳng cho rằng đạo Huyền cực không biến dịch ư? Phàm lý của con người tản mát, mất còn như huyễn, trong vòng một trăm năm già trẻ đều tận. Tuy tóc bạc lưng còng mà vẫn còn tự biết khoảnh khắc trôi qua, hà hướng gì thời gian ngắn? Thời gian thì chẳng dừng, vận thì vô cùng. Đã từ vô lượng vô số kiếp khi xưa, trong một chớp mắt đã đến hôm nay; nay trong chớp mắt đã đến một trăm năm, đâu từng khó đến, mà bỗng chốc đã được một nửa. Phàm cái đẹp của vật đối với thân sương sớm này, giống như không có sự thanh cao thoát tục chân thật vậy. Vì sao phải cam chịu dơ uế nơi hẹp lậu, để uổng phí tinh thần trường tồn mà chẳng tự học theo phong cách cao xa. Tuy là một nhà Danh pháp giúp đời, nhưng đâu không có phần nơi đạo lớn? Chỉ vì mãi lăn lóc trong cõi người, đại khờ nơi đường thế; cho nên chỉ biết nhiều về nhân đạo mà xem thường Thần tướng. Nếu quay thân với miếu hoang dã, lên đỉnh núi cao, nhìn xa thấy rõ sự rộng lớn của vũ trụ trong xanh, sự kỳ diệu của nhật nguyệt chiếu soi. Thì há chẳng có liệt thánh oai linh tôn nghiêm trong đó sao? Chỉ cần xa lìa nhân quần, bỏ qua việc thế mà thôi! Nhất định sẽ ôm chí cao xa để khai mở tâm tưởng thần đạo, cảm sự tịch mặc để sáng tỏ sự ứng hiện của Linh minh. Khi xưa Trọng Ni soạn Ngũ Kinh ở đất Lỗ để giáo hóa Thiên hạ, và căn nguyên mờ mịt xa xôi của nó, nhưng Thiên hạ và Lỗ đều nhỏ bé, há chẳng phải Thần hợp với tám cực mà siêu việc một đời ư? Thế thì Ngũ Kinh được soạn trong khoảnh khắc ứng với không gian nhỏ bé kia. Vậy thế gian đâu được vì đối lập với Phật pháp mà chẳng tin? Xin hỏi nay chẳng tin vì cho rằng ngoài con người ra thì không có Thần minh ư? Hay cho rằng cũng có Thần minh mà không có Phật? Nếu không có Thần minh mà chỉ có người, thì ai bảo Huyền Ô giáng xuống sinh Thương, ai bảo cảm dấu chân lớn mà sinh Khí? Các đời Hán, Ngụy, Tấn, Tống đều có hiện điềm lành về Thiên mệnh. Cho nên biết ngoài điều thấy nghe, rõ ràng còn có Thần đạo. Có Thần lý ắt có diệu, đạt được sự linh diệu, chẳng do Phật thì do ai làm ra? Phàm nói Thần, tức nương vào Phương Sở mà ứng hiện, chẳng ứng thì chẳng tồn tại. Từ thật mà lập hóa thì đâu

sợ chẳng cùng tận. Há phải cần đến vật hư giả rồi sau mới chỉ dạy ư? Thế thì pháp này thật, giáo này đáng tin, chẳng cho nghi ngờ.

Luận rằng: Quần sinh đều lấy tinh thần làm chủ, nên cái linh của Huyền cực đều có lý để cảm. Như Nghiêu đã cách xa rồi mà trăm thú vẫn còn nhảy múa tán dương đức ấy, đó há chẳng phải là cảm ư? Vậy Phật là gốc của vạn cơ cảm. Trời trăng còn có Lễ sáng tối, nghĩa sọc vọng hà hướng gì đạo chúng của Phật. Bậc cao thì thấu đạt được Thần, vượt ngoài nhân thế, bậc Trung thì thọ thân nơi diệu cảnh, bậc hạ thì cũng tránh khỏi ba đường. Việc trị thế mà giáo thế gian chủ trương, chỉ hạn hẹp trong một đời mà thôi. Phàm người đạt được đạo thì ít mà theo thế gian thì nhiều, như thế đâu chẳng từng cùng nhau học theo thế tình mà cao rằng chết thì Thần diệt? Cho nên mới chẳng mong cầu chí cho xa thoát tục, mà phần nhiều theo tình ngăn ngại, từ đó mà đạo của bậc quân tử suy vi. Nếu dùng Phật pháp mà soi xét thì thân này chẳng phải là ngã, vì chỉ một lần ngừng dứt không trở là xong. Còn tinh thần mới là thân của ngã, vì nó rỗng rang trường tồn không bao giờ mất. Bậc thượng đức thì đức ấy lưu chuyển nơi mình đến vô cùng, bậc trung thì cái tốt đẹp sẽ từ từ thăng cao cho đến cùng tận, bậc hạ thì có cái xấu, nên mới có đường khác tự sửa đổi, có thể cải lỗi mà chuyển lên trên. Vì thế từ xưa trong cái tình thô, làm trong sạch mình, ôm chí cao xa chỉ mong thực hành hôm nay để định cho nghiệp mai sau, mà đạt xa hơn bậc chí đức thì nhiều không thể kể hết, đó là hiệu nghiệm của Phật pháp vậy. Đó là chỗ bế tắc của thế gian, chỗ khai thông của Phật pháp. Đạo ấy như thế, há chẳng rộng lớn mênh mông mà diệu kỳ có đường thông ư? Vậy vì sao lại bỏ qua mà không tin phụng? Phàm gió thổi qua lửa thì reo, thổi qua rừng thì mát mẻ, nước xao động thì đục, lắng đọng thì trong sáng. Dụng của Thần được hay mất thì cũng còn nơi nương gá. Nay chẳng tin Phật pháp, nên chẳng có phần là lẽ tất nhiên. Bởi vì trụ nơi ý thì như thế, thử lìa xa tâm nơi thế vật, chuyển đổi thành trong sáng vi diệu thì Lý Phật sáng tỏ, sự Phật đều đáng tin. Như thế chẳng khéo trụ nơi ý ư? Nhờ sự tin hiểu này mà cho đến cuối cùng sẽ được Vương đạo Thần đạo, sự nghiệp trăm đời trước đều có thể thành. U hiển đều vĩnh viễn được cứu độ, đó là đại hiếu; chúng sinh đều thấm nhuần lòng nhân, đó là chí từ; ngưng thần độc diệu, đó là cực đạo; rỗng suốt vô ngại, đó là tận minh vậy. Khai phát tâm của người tầm thường, đi đường phải theo dấu xe, thì dầu trải qua vô số kiếp thì cuối cùng ắt sẽ đạt đến chỗ rốt ráo huyền diệu. Kỳ diệu như thế, mà các ông trái nghịch với dấu, lạc mất đường đi, ngơ ngác loanh quanh đi mãi rồi vĩnh viễn chìm vào chín

cõi, chẳng đáng buồn ư? Nếu chẳng như thế, vì sao lại nuôi Hiền Thánh mà lại dưỡng kẻ ngu hèn? Trên là chư Phật, dưới đến bò, bay, cựa, động đều là do thể được mất về tinh thần. Nay con người với thân máu thịt già chết, thọ trong mấy kỷ này mà ban đêm đã chiếm hết một nửa rồi, các duyên bệnh, tang làm khổ nửa đời khỏe mạnh, trong đó hiển vinh, vui thú, đắc chí chẳng được là bao. Nhưng lúc tráng niên chẳng được vinh thì ắt là sự nhục, vui thú đi liền với lo buồn, nên cũng chẳng hoàn toàn là khương thái. Như thế mà tranh nhau bước vào con đường hiểm thế tục, đi ngược lại con đường thanh thang của Phật pháp. Đâu như người trí? Người đời vì chẳng đạt được duyên bản mà mê mờ Phật lý, thật cũng rất nhiều. Phàm duyên khởi thật mênh mông, truy tưởng chẳng thể đạt đến. Như mất đi chỗ dựa then chốt của sự chứng đắc, sẽ không có lý gì để cơ cảm được. Tức ngoài Lục hợp (vũ trụ) có Phật tồn tại mà chẳng luận ... như đã nói đầy đủ ở trước.

Đến đây xin được trình bày lần lượt tiếp. Phàm Thánh nhân tạo Kinh Dịch, trời hiện ra Tượng, thì những việc trị, loạn, hung, kiết có thể xem mà biết được. Nhưng truy tìm nguyên nhân của các trạng thái ấy, nếu Thánh nhân chẳng nói thì chẳng biết. Nay dùng cái chẳng thể biết để phế trừ cái có thể biết. Nghịch xem thì trái với trời mà động, há có điều chẳng quên ư? Chẳng thể vì chẳng biết Duyên Khởi đầu mà trái với Phật pháp cũng giống như vậy. Lại chẳng vì không nhớ ý của thân trước mà cho rằng thân chẳng tồn tại. Phàm con người lúc trong thai đến khi thành đứa bé, chẳng được cho là không có tinh thần. Trong cùng một thân, mà nay suy nghĩ còn mờ mịt chẳng nhớ, hà hướng đã trải qua nhiều lần sinh tử, thay đổi nhiều thân. Khi xưa nhớ đâu thể chẳng quên. Chỗ nhớ đã quên mà không làm hại đến sự trường tồn của thân, thì chẳng đạt duyên đầu tiên cũng đâu ngại gì lý thường sáng tỏ. Tử Lộ hỏi về sự chết, Khổng Tử nói: “Chưa biết sinh, làm sao biết chết”. Hỏi về phụng sự quỷ thần. Khổng Tử nói: “Chưa biết phụng sự người, sao biết phụng sự thần quỷ?”. Đâu chẳng vì nguyên do đó, mà tận lực với hiếu dưỡng, dốc chỉ phụng sự vua. Nhất định cần phải dùng một đời đạt đến gốc của sinh tử quỷ thần. Tuy nói có hỏi, nhưng chẳng phải là thật lý cảm nên. Cho nên Tánh và Thiên đạo, chẳng được nhà Phật nói đến. Giống như là câu hỏi sau: Chúng sinh hữu biên hay vô biên ... bậc Nhất Thiết Trí đã bỏ qua không đáp. Thật ra như đáp thì đã không có lợi ích mà khiến họ đọa vào tà kiến. Thế thì đạo theo Thánh thờ Phật, chắc chắn phải cảm tạ chỗ im lặng đó và hưởng thọ chỗ ứng hiện đó. Như người khát uống nước sông, lấy nước trên dòng rộng lớn để no bụng,

đâu cần phải tìm đến tận nguồn ở Côn Sơn? Phàm trong Phật pháp, nếu trái với trời thì ngại lý chẳng thể nắm bắt được như thế, thì đáng nghi. Nay không có chỗ ngại chẳng thể nắm bắt được như thế, mà chỉ có sự thật thuận trời đạt thân, thì há chẳng thật như thế ư? Phàm người sinh thì mối lo cũng sinh theo, hoạn họa phát khởi nơi thời và Sự, tai ách sinh ra từ chốn tối tăm. Dù phú quý vô lượng, đồ chúng hàng trăm vạn, cũng chỉ có một hình và thân ngồi đợi vô thường đến, người nhà kêu gào, vợ con khóc lóc, bỗng chốc chìm đắm mịt mờ, hốt hoảng, thân người đâu đủ để gá nương. Vì thế thời gian trôi qua rất nhanh, cần phải mạnh mẽ, xa hoa thì mất sự minh hóa, phóng túng dục tình, xa xỉ thì có hại. Thân đã chẳng thể diệt, cần diệt chẳng thể được mà sẽ theo tội thọ thân. Nay các chúng sinh tâm thường, trùng kiến, đế giun vạn loại ... đều được ân cần soi chiếu, vì chúng mà toan tính, chỉ cần có tâm chí thành tin Phật, tu giới để cứu giúp tinh thần. Sống thì nhờ vào Linh lúc chết thì được trong sạch siêu thăng, siêu thăng đến vô cùng thì làm Phật. Phật hẳn đã nói như thế, mà người lại xem thường, vì sao đoạn làm người để làm Phật? Chẳng thể làm Phật, thì sẽ chẳng đọa vào nơi ác, vĩnh viễn chịu cực khổ ư? Than ôi! Lục cực (sáu hạng người cực ác). Khổ độc mà lại sống, vì vậy khổ não chẳng dứt. Người nghe thấy tinh tấn mà chết vì vậy kẻ chết mới nhiều. Người có thần ý an định mà có nguy cấp, nếu nhứt tâm niệm Quan Thế Âm, thì đều được cứu độ; tất cả phù hợp với điều gọi là “Sống thì nhờ linh thần đến chết thì siêu thăng” đã nói ở trước. Phàm làm bậc quân vương, mặt trời đã xế bóng mà chẳng kịp ăn, suốt một đời trị quốc luôn làm chỗ nương tựa cho muôn dân, thế thì lấy gì để tăng trưởng tinh thần mà làm vua vạn loài? Nay theo Chu Khổng để dưỡng dân, học Phật pháp để dưỡng Thần, thì sống làm Minh hậu (vua anh minh), chết làm minh thần mà thường trị hóa; vậy Như Lai đâu xem thường Ngã? Chẳng nên lập nhiều chùa tháp, đúc tạo nhiều tượng, nuôi dưỡng tăng xấu ác để hao tổn tiền tài, làm hại nhân dân. Đối với vật thì chẳng nên từ xa nhìn cái chân thật, rồi nhìn gần thấy chỗ xấu mà cưỡng hủ nhục. Như thế mới tôn kính Đạo, tôn phụng đại giáo; ngộ vô thường, không sắc, có tâm từ rộng khắp, chẳng nên trọng giàu khinh bỏ sinh mạng loài vật; không thuận theo kẻ tiểu nhân, trộm mặc y phục phi pháp; đó há chẳng phải là dùng Đức để dẫn dắt, dùng lễ để cứu giúp, khiến Thiên hạ trở về với nhân càng nhiều sao? Khi còn nhân hạ và tẩm thân quê mùa này, đâu có gì đáng tiếc, mà chẳng tự cứu tinh thần của mình? Khi xưa Hòa thượng Viễn tu tịnh nghiệp ở Lô Sơn, tôi có đến đó nghỉ ngơi năm tuần (50 ngày), thấy ngài là bậc cao khiết, cần khổ,

lý học rất tinh thông, chắc chắn sẽ lưu truyền lâu dài. Thầy của ngài là Pháp sư An cũng có linh đức kỳ diệu, các tỳ kheo tập hội đồng giữ Thiên chân, tất cả đều cùng nhau sớm hòa hợp với Đạo, nhưng sau một mình vào trụ nơi núi cao. Vì thế sự giáo hóa của thần minh vào sâu nơi rừng núi. Bỗng nhiên ngài nói với tôi rằng: “Trong khoảng núi rừng khe suối mờ mịt này mà có người đến, lời nói làm phép tắc để chấn chỉnh người, chính là ở luận này”. Đó là Hòa thượng y cứ vào yếu chỉ của kinh mà nói vậy. Phàm người khéo tìm cầu thì nhân dấu chân chim mà tạo chữ viết; thấu đạt thần minh cùng người khen ngợi, một lời của Đề Oánh mà nghiệp Bá Thành, nhục hình trừ bỏ; cũng có người bỗng nhiên cơ cảm mà cuối cùng đạt đến cao xa.

Nay dùng lời thô lậu này để kích phát chỗ cơ cảm ấy, đến khi bỗng nhiên thân diệt, thì đâu biết chẳng do đó mà được siêu thăng?

